

Bản án số: 175/2022/DS-PT
Ngày: 13-12-2022
V/v “Đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Hưng
Ông Trần Vĩnh Yên

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Lê Khang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022 tại Tòa án nhân dân, tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2022/DS-ST ngày 31-5-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 157/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Bích L1, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Số 1/2 Nguyễn Văn C, khu phố 3, phường X, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Trần Thị G, sinh năm 1987. Địa chỉ: Khu phố 4, phường X, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

2.2. Ông Trần Duy H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số 52, đường 8, khu dân cư P, phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Kim L2, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp B, xã B, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Duy H; bà Trần Thị G.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2019 và quá trình tố tụng bà Lê Thị Bích L1 trình bày:

Do chỗ quen biết với nhau nên bà và bà Trần Thị Kim L2 (tên thường gọi là H) có làm ăn với nhau. Tính đến tháng 5/2015 bà L2 còn thiếu của bà số tiền 750.000.000 đồng. Bà L1 đã nhiều lần nhắc nhở khoản nợ nhưng bà L2 không thanh toán cho Bà L1.

Vào khoảng tháng 5 năm 2015, ông Trần Duy H là em trai của bà Trần Thị Kim L2 có gọi điện cho bà để về giải quyết khoản nợ của chị gái là bà Trần Thị Kim L2. Vì vậy, vào ngày 06/5/2015, hai em ruột của bà Trần Thị Kim L2 là bà Trần Thị G và ông Trần Duy H về thành phố Long Khánh đến nhà bà trình bày là ông H, bà G sẽ đứng ra nhận tiền nợ của bà L2 và trả thay cho bà L2. Bà có nói với ông H, bà G là bà L2 còn nợ số tiền tổng cộng là 750.000.000 đồng. Ông H, bà G nói với bà là chỉ nhận nợ trả thay số tiền 330.000.000 đồng, bà đồng ý để ông H, bà G nhận nợ thay cho bà L2 số tiền 330.000.000 đồng; số tiền nợ của bà L2 còn lại giữa bà và bà L2 tính toán với nhau sau.

Cùng trong ngày 06/5/2015, ông Trần Duy H viết giấy nợ để chuyển nợ từ bà Trần Thị Kim L2 qua cho ông H, bà G. Trong giấy nợ thể hiện ông H nhận nợ của bà số tiền 180.000.000 đồng và hứa thanh toán vào ngày 15 hàng tháng, mỗi tháng 20.000.000 đồng; và ông H viết thêm nhận nợ số tiền 150.000.000 đồng còn lại sẽ thanh toán vào tháng 6 năm 2015, bà Trần Thị G ký cam kết cùng chịu trách nhiệm về khoản nợ trên. Bà xác định giấy nợ lập ngày 06/5/2015 là do ông H viết và ký tên, đồng thời bà G cũng viết xác nhận nợ và ký tên phần phía dưới.

Bà xác nhận, ông Trần Duy H, bà Trần Thị G viết giấy nợ để chuyển số tiền nợ 330.000.000 đồng của bà Trần Thị Kim L2 nợ bà sang cho ông H bà G nhận nợ thay chứ không phải ông H, bà G vay tiền của bà. Việc ông H bà G nhận nợ thay bà L2, bà L2 có báo cho bà biết. Sau khi viết giấy để chuyển nợ của bà L2 sang cho ông H, bà G thì các giấy nợ trước đây giữa bà L2 với bà đã bị hủy bỏ, bà không còn lưu giữ.

Do ông Trần Duy H và bà Trần Thị G đứng ra nhận nợ thay cho bà L2 nhưng không tiến hành thanh toán nợ như đã thỏa thuận, nên bà khởi kiện yêu cầu buộc ông Trần Duy H và bà Trần Thị G có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà số tiền 330.000.000 đồng và không yêu cầu tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Duy H, bà Trần Thị G trình bày:

Trước đây chị gái của ông, bà là Trần Thị Kim L2 (tên thường gọi là H) có vay của bà Lê Thị Bích L1 một số tiền cụ thể như thế nào thì ông, bà không biết. Đến khoảng năm 2015 giữa bà Trần Thị Kim L2 (H) với bà Lê Thị Bích L1 xảy ra tranh chấp việc vay tài sản nên các bên xảy ra mâu thuẫn, Bà L1 thường gây áp lực và cho người đánh đập bà L2. Ông H, bà G là em ruột của bà L2, khi biết chị mình thiếu nợ Bà L1, ông H, bà G có nói với bà L2 là để lên làm việc với Bà L1. Ngày 06/5/2015, ông H cùng bà G đến nhà của Bà L1 tại phường X,

thành phố Long Khánh để làm việc với Bà L1 về khoản nợ của bà L2. Tại nhà bà L1, do lo sợ bà L2 bị hành hung nên ông H, bà G đứng ra nhận toàn bộ nợ của bà L2 và cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà L1. Do đó, trong ngày 06/5/2015, ông Trần Duy H và bà Trần Thị G có viết một giấy vay tiền với nội dung ông H bà G có vay của Bà L1 số tiền 180.000.000 đồng các bên thỏa thuận không tính lãi, ông H bà G sẽ trả nợ mỗi tháng 20.000.000 đồng vào ngày 15 và ngày 20 hàng tháng tính từ ngày vay. Lý do ông bà viết giấy vay tiền nhằm mục đích chuyển 180.000.000 đồng từ khoản tiền vay của bà L2 sang cho ông H, bà G trả nợ chứ thực tế ông, bà không nhận 180.000.000 đồng từ bà Lê Thị Bích L1.

Tuy nhiên, ông H, bà G cho rằng không biết thực tế bà L2 thiếu nợ Bà L1 bao nhiêu tiền, nhưng sau khi ông H, bà G viết giấy nhận nợ Bà L1 180.000.000 đồng thì Bà L1 còn bắt ông bà viết giấy nhận nợ số tiền 150.000.000 đồng còn lại của bà L2 và yêu cầu ông bà thanh toán số tiền 150.000.000 đồng vào tháng 6 năm 2015. Tổng cộng ông bà đã đứng ra nhận nợ cho chị gái bà Trần Thị Kim L2 số tiền là 330.000.000 đồng và viết giấy nợ theo yêu cầu của Bà L1. Ông H, bà G xác định tờ giấy nợ viết tay ngày 06/5/2015 do ông H viết và ông H cùng bà G ký tên vào.

Nay bà Lê Thị Bích L1 khởi kiện yêu cầu ông H, bà G có trách nhiệm thanh toán cho bà L1 số tiền 330.000.000 đồng, ông bà không đồng ý vì bà Lê Thị Bích L1 không xác nhận nợ và không ký tên vào giấy nợ ngày 06/5/2015; không có biên bản bàn giao tiền, ông bà yêu cầu Bà L1 phải chứng minh khoản nợ giữa bà Lê Thị Bích L1 với bà Trần Thị Kim L2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim L2 trình bày:

Việc ông Trần Duy H và bà Trần Thị G viết giấy vay nợ bà Lê Thị Bích L1 ngày 06/5/2015 bà không biết. Trước đây bà có nợ bà L1 khoảng 300.000.000 đồng, bà đã trả nợ cho Bà L1 một phần nhưng hai bên không có làm giấy biên nhận. Giấy nhận tiền do bà Lê Thị Bích L1 viết ngày 08/5/2015 đối với số tiền 170.000.000 đồng mà bà đã nộp bản photo cho Tòa án là để thanh toán khoản vay giữa bà L2 với bà L1, không liên quan đến khoản vay giữa ông H, bà G với bà L1. Bà đề nghị Tòa án giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 31-5-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh đã căn cứ Điều 315, Điều 316, Điều 471, Điều 473, Điều 474 và Điều 478 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Trần Duy H và bà Trần Thị G có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Lê Thị Bích L1 số tiền 330.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/6/2022, bị đơn ông Trần Duy H và bà Trần Thị G kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng thành phần, đảm bảo vô tư khách quan, trình tự phiên tòa được Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về đề xuất đường lối giải quyết vụ án: Ông H, bà G và bà L1 thống nhất thừa nhận vào ngày 6/5/2015 ông H và bà G có viết, ký Giấy nợ, nội dung là ông H có mượn bà L1 số tiền 180.000.000 đồng, không tính lợi nhuận, mỗi tháng sẽ trả cho bà L1 20 triệu đồng vào ngày 15 hàng tháng. Số tiền 180.000.000 đồng ông H mượn trừ cho số tiền mà bà Hân mượn của bà L1 330.000.000 đồng. Còn lại thực nợ 150.000.000 đồng hẹn trong tháng 6/2015 sẽ hoàn tất số nợ cho bà L1.

Các bên đều thừa nhận, mặc dù viết giấy nợ nhưng giữa các bên không có việc vay tiền, mục đích viết giấy nợ trên là chuyển nghĩa vụ trả tiền vay của bà Trần Thị Kim L2 (Hân) là chị ruột của ông H, bà G sang cho ông H, bà G trả nợ.

Theo quy định tại Điều 315, 316 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì ông H, bà G đã nhận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ từ bà L2, việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ này được bà L1 đồng ý.

Theo thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ giữa các bên, đối với số tiền 180.000.000 đồng, sau 9 tháng tính từ ngày 6/5/2015, tức là đến hết tháng 2/2016 ông H, bà G phải trả hết cho bà L1; đối với số tiền 150.000.000 đồng đến tháng 6/2015 ông H, bà G phải trả xong cho bà L1. Quá thời hạn trên mà ông H, bà G không trả cho bà L1 thì coi như quyền lợi của bà L1 bị xâm phạm. Bà L1 cũng xác định tại đơn khởi kiện cũng như tại các bản khai từ ngày 6/5/2015 đến nay ông H, bà G chưa trả bất kỳ khoản tiền nào cho bà. Ngày 16/5/2019 Tòa án thành phố Long Khánh nhận được đơn khởi kiện của bà L1, bà L1 yêu cầu ông H, bà G số tiền 330.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi suất.

Ông H, bà G và đại diện bà L1 là anh Thịnh yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu giải quyết vụ án (BL 17, 26-27). Vì vậy căn cứ Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thời hiệu giải quyết vụ án phải được áp dụng để giải quyết vụ án.

Tuy nhiên, theo theo hướng dẫn tại điểm b mục 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/HĐTP-TATC ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Tối cao thì yêu cầu của bà L1 là yêu cầu đòi lại tiền nợ gốc phát sinh từ giao dịch vay tiền (yêu cầu đòi lại tài sản) nên không áp dụng thời hiệu và cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Đòi lại tài sản”

Vì vậy, bà L1 có quyền yêu cầu ông H, bà G trả nợ số tiền 330.000.000 đồng. Ông H, bà G không đồng ý trả số tiền trên cho bà L1 với lý do: Bà L1 không xác nhận nợ, không ký tên vào giấy nợ ngày 06/5/2015; không có biên bản giao tiền và yêu cầu nguyên đơn phải chứng minh khoản nợ giữa bà L1 và bà L2. Về vấn đề này như trên đã nêu mục đích các bên viết giấy nợ ngày 06/5/2015 là để chuyển giao nghĩa vụ trả nợ từ bà L2 sang ông H, bà G, không có việc vay tiền giữa bà L1 và ông H, bà G nên không thể có việc giao nhận tiền vay; trước khi ông H, bà G ký vào giấy nợ ngày 06/5/2015 thì phải xác định được khoản nợ còn lại của bà L2 thì ông H, bà G mới nhận trả nợ thay nên nhận thấy lý do của ông H, bà G đưa ra là không có cơ sở chấp nhận.

Vì những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử sửa quan hệ pháp luật tranh chấp là “Đòi lại tài sản”; không chấp nhận kháng cáo của ông H, bà G, buộc ông H, bà G phải trả cho bà L1 số tiền 330.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trần Duy H và bà Trần Thị G làm trong thời hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông H và bà G nhận thấy:

Tại Giấy biên nhận nợ các bên đã lập vào ngày 06/5/2015, nội dung thể hiện ông H có mượn của bà L1 số tiền 180.000.000 đồng, không tính lãi, mỗi tháng ông H sẽ trả cho bà L1 20.000.000 đồng vào ngày 15 hàng tháng. Số tiền 180.000.000 đồng ông H mượn trừ cho số tiền mà bà H mượn của bà L1 330.000.000 đồng. Còn lại thực nợ 150.000.000 đồng hẹn trong tháng 6/2015 sẽ hoàn tất số nợ cho bà L1. Ông H, bà G thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền lập ngày 06/5/2015 là do ông bà tự nguyện viết và ký tên, không bị ai ép buộc, nội dung được bà Lê Thị Bích L1 đồng ý.

Theo quy định tại Điều 315 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định:

“1. Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ dân sự cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý,...

2. Khi được chuyển giao nghĩa vụ thì người thế nghĩa vụ trở thành bên có nghĩa vụ”.

Như vậy, ông Trần Duy H và bà Trần Thị G đã nhận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ từ bà Trần Thị Kim L2 được thể hiện qua biên nhận nợ mà các bên đã lập vào ngày 06/5/2015. Việc chuyển giao nghĩa vụ được người có quyền là bà Lê Thị Bích L1 đồng ý. Đó đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bích L1 buộc ông Trần Duy H và bà Trần Thị G phải thanh toán số tiền 330.000.000 đồng là có cơ sở.

Việc bị đơn cho rằng, nguyên đơn không xác nhận nợ, không ký vào giấy nợ ngày 06/5/2015, không có biên bản bàn giao tiền giữa nguyên đơn và bà Trần Thị Kim L2. Nhận thấy, khi ký giấy vay tiền ngày 06/5/2015 bị đơn đã biết thông tin chi ruột của mình còn thiếu tiền của bà L1 nên bị đơn mới tự nguyện thế nghĩa vụ trả nợ thay cho bà L2. Do vậy, thời điểm chuyển giao nghĩa vụ từ bà L2 sang ông H và bà G kể từ thời điểm ông H, bà G viết giấy nợ cho bà L1, nên việc ông H bà G yêu cầu phải có biên nhận nợ giữa bà L2 với bà L1 là không cần thiết.

[3] Về quan hệ pháp luật: Bà Lê Thị Bích L1 khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền cho nguyên đơn theo giấy biên nhận ngày 06/5/2015. Tại giấy nhận nợ, ông H, bà G cam kết trả nợ cho bà L1 mỗi tháng 20.000.000 đồng cho đến hết số nợ 180.000.000 đồng; đối với số nợ 150.000.000 đồng ông H sẽ trả cho bà L1 vào tháng 6 năm 2015.

Xét thấy, từ năm 2015 cho đến thời điểm bà L1 khởi kiện tại Tòa án cấp sơ thẩm là ngày 16/5/2019, ông H bà G vẫn chưa thanh toán số nợ trên cho bà L1. Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thì thời hiệu khởi kiện về hợp đồng là 03 năm kể từ ngày người có quyền biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Như vậy, đến thời điểm bà L1 khởi kiện thì thời hiệu đã hết. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự có ý kiến đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện. Bà L1 yêu cầu đòi lại tiền nợ gốc phát sinh từ giao dịch vay tài sản. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” là không chính xác, cần phải sửa lại quan hệ pháp luật là “Đòi lại tài sản” mới đúng quy định.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Duy H và bà Trần Thị G, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh về xác định quan hệ pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 16.500.000 đồng là đúng quy định. Hoàn trả cho bà Lê Thị Bích L1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.250.000 đồng.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của ông Trần Duy H và bà Trần Thị G không được chấp nhận nên ông H và bà G mỗi người phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Duy H và bà Trần Thị G. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 31-5-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh về xác định quan hệ pháp luật.

Căn cứ Điều 315, Điều 316 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 166, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bích L1.

Buộc ông Trần Duy H và bà Trần Thị G có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Lê Thị Bích L1 số tiền 330.000.000 đồng (*Ba trăm ba mươi triệu đồng*).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Duy H và bà Trần Thị G phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 16.500.000 đồng (mười sáu triệu năm trăm nghìn). Hoàn trả cho bà Lê Thị Bích L1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.250.000 đồng (tám triệu hai trăm năm mươi nghìn) theo biên lai thu tiền số 009692 ngày 21/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Duy H và bà Trần Thị G mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005716, 0005715 ngày 09/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh.

4. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP. Long Khánh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS TP. Long Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Đỗ Thị Nhung